

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ - MEGA GANGNAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ - MEGA GANGNAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MEGA GANGNAM - INTERNATIONAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108480231

**3. Ngày thành lập:** 19/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Biệt thự số 4, ngõ 55 phố Đỗ Quang, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                | 4292        |
| 2.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                          | 4293        |
| 3.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                     | 4299        |
| 4.  | Phá dỡ                                                                                                                                         | 4311        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                          | 4321        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                          | 4322        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                 | 4329        |
| 8.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                            | 4390        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh            | 8299        |
| 10. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết:<br>Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ<br>Phòng khám chuyên khoa da liễu | 8620(Chính) |
| 11. | Đào tạo sơ cấp<br>Chi tiết: Hoạt động giáo dục nghề nghiệp                                                                                     | 8531        |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                         | 4649        |

|     |                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                              | 4641 |
| 14. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                  | 4771 |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>-Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>-Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>-Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932 |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                 | 4312 |
| 17. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                           | 4772 |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                    | 4933 |
| 19. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                         | 7310 |
| 20. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                          | 7320 |
| 21. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                         | 8230 |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                 | 4101 |
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                           | 4102 |
| 24. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                     | 4211 |
| 25. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                      | 4212 |
| 26. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                          | 4221 |
| 27. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                               | 4222 |
| 28. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                | 4223 |
| 29. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                 | 4229 |
| 30. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                          | 4291 |
| 31. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                                                         | 9631 |
| 32. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                                                                                                     | 9610 |
| 33. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                    | 4330 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.100.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ MỸ VÂN       | Số 20B/202 đường Ngô Quyền, Phường Phạm Ngũ Lão, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 158.100    | 1.581.000.000         | 51,000    | 142740311                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                | Tổng số           | 158.100    | 1.581.000.000         | 51,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRỊNH THỊ BÍCH HẰNG | 48 Hẻm 29/70/2 phố Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 77.500     | 775.000.000           | 25,000    | 111992952                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                | Tổng số           | 77.500     | 775.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN AN       | 48 Hẻm 29/70/2 phố Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 74.400     | 744.000.000           | 24,000    | 0010820272<br>15                                                                            |         |
|     |                     |                                                                                                | Tổng số           | 74.400     | 744.000.000           | 24,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ THỊ MỸ VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 08/06/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142740311

Ngày cấp: 20/01/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 20B/202 đường Ngô Quyền, Phường Phạm Ngũ Lão, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 20B/202 đường Ngô Quyền, Phường Phạm Ngũ Lão, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội